

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT M
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 19/4/2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT M
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Ngọc Tú
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Văn Hải
Bà Đỗ Thị Vân
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Dân - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân h. H
- *Đại diện Viện kiểm sát ND huyện H tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hoa

Ngày 19 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công kA vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 48/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vi Thị G, sinh năm 1991. “Có mặt”

Địa chỉ: thôn Y, xã Ng, huyện H, tỉnh Thanh Hoá.

Bị đơn: Anh Lê Văn A, sinh năm 1987. “Có mặt”

Địa chỉ: thôn Y, xã Ng, huyện H, tỉnh Thanh Hoá.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2021, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn chị Vi Thị G thể hiện:

Về hôn nhân: Tôi và anh Lê Văn A tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Ng cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2012. Sau khi cưới vợ chồng tôi sống bình thường cho đến gần đây thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh A không chịu chăm lo cho gia đình, thường ghen tuông vô cớ dẫn đến có lời lẽ xúc phạm tôi, đôi lúc còn đánh đập vợ. Tình cảm vợ chồng dần không còn, tôi nhận thấy không thể tiếp tục kéo dài hôn nhân thêm được nữa nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh A.

Về con: Vợ chồng tôi có 03 con chung là cháu Lê Dung Nh, sinh ngày 18/11/2011, Lê Thị Bảo Y1, sinh ngày 11/8/2014, Lê Bảo M, sinh ngày 11/12/2015. Ly hôn nguyện

vọng của tôi là được nuôi cả ba con và yêu cầu anh A cấp dưỡng hàng tháng mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và công nợ: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/3/2021, lời khai tại phiên tòa của anh Lê Văn A thể hiện:

Về hôn nhân: tôi và cô G tự nguyện kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Ng cấp giấy chứng nhận kết hôn 2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi chung sống hòa thuận 10 năm. Thời gian phát sinh mâu thuẫn mới từ tháng 12/2020. Do tôi đi làm ăn xa không có thời gian gần nhau nên xảy ra hiểu nhầm rồi vợ chồng cãi nhau. Tôi cũng có nhắn tin xúc phạm vợ nhưng vì lý do trước kia cũng có lần có người nhắn tin tán tỉnh vợ tôi. Nay vợ tôi muốn ly hôn nhưng tôi muốn hòa giải để chúng tôi cố gắng làm ăn nuôi con, tôi không muốn ly hôn vì thương các con.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 03 con chung là cháu Lê Dung Nh, sinh ngày 18/11/2011, Lê Thị Bảo Y1, sinh ngày 11/8/2014, Lê Bảo M, sinh ngày 11/12/2015. Tôi không đồng ý ly hôn nên tôi không đồng ý giải quyết về con chung. Nếu cô G kiên quyết ly hôn, tôi đồng ý để cô G nuôi ba con.

Quá trình giải quyết vụ án, anh A đồng ý với mức cấp dưỡng mà chị G yêu cầu. Tuy nhiên tại phiên tòa, anh A thay đổi ý kiến về phần cấp dưỡng nuôi con, anh đề nghị không cấp dưỡng nuôi con vì hiện tại anh chưa đủ khả năng cấp dưỡng do đang lo công việc, lo cho tương lai các con sau này.

Về tài sản: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16/3/2021 của cháu Lê Dung Nh thể hiện: Hiện bố mẹ cháu đang giải quyết ly hôn tại Tòa án, nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ cháu là Vi Thị G. Đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H trình bày nhận xét về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, xác minh về tình trạng hôn nhân và nguyên nhân xảy ra tranh chấp giữa anh Lê Văn A và chị Vi Thị G, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Chị Vi Thị G và anh Lê Văn A kết hôn năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng. Sau khi kết hôn anh chị

sống bình thường một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, sống ly thân mấy tháng nay. Mặc dù anh A mong muốn được đoàn tụ nhưng chị G cương quyết ly hôn vì thấy không thể sống cùng anh A được nữa. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị G và anh A đã thực sự trầm trọng, không thể hàn gắn nổi, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận đề nghị xin ly hôn của chị Vi Thị G. Về con: Vợ chồng anh chị có 03 con chung là cháu Lê Dung Nh, sinh ngày 18/11/2011, Lê Thị Bảo Y1, sinh ngày 11/8/2014, Lê Bảo M, sinh ngày 11/12/2015. Chị G đề nghị trực tiếp nuôi cả ba con, anh A không muốn ly hôn nhưng nếu phải ly hôn thì anh đồng ý để chị nuôi cả ba con, cháu Lê Dung Nh cũng có nguyện vọng xin ở với mẹ. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử giao cả ba cháu Lê Dung Nh, Lê Thị Bảo Y1 và Lê Bảo M cho chị Vi Thị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Chị Vi Thị G đề nghị anh A cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng. Quá trình giải quyết vụ án, anh A đồng ý với mức cấp dưỡng chị G đưa ra, tuy nhiên tại phiên tòa, anh đề nghị không cấp dưỡng vì sau này anh sẽ dành dụm lo cho các con. Tuy nhiên chị G nuôi cả ba cháu sẽ khá vất vả, bố mẹ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị G, buộc anh A cấp dưỡng nuôi các cháu Lê Dung Nh, Lê Thị Bảo Y1, Lê Bảo M mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Đề nghị buộc nguyên đơn là chị Vi Thị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Lê Văn A phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

Nguyên đơn chị Vi Thị G không có sự thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Anh Lê Văn A và chị Vi Thị G tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện H, Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/4/2012 theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng anh chị sống với nhau bình thường cho đến cuối năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, xuất phát từ việc anh A không chịu chăm lo cho gia đình, ghen tuông xúc

phạm thậm chí còn đánh đập chị G. Vì vậy chị G nhận thấy tình cảm vợ chồng dần không còn. Nay chị G đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A, anh không muốn ly hôn mà mong được hòa giải đoàn tụ vì thương các con. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, anh không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải cũng không có động thái tích cực để tự hòa giải cùng chị G. Chị G cương quyết ly hôn vì nhận thấy tình cảm của anh chị không còn, tình trạng hôn nhân đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài mà hôn nhân dựa trên cơ sở tình yêu của cả A người. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vi Thị G là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị.

[2] Về con: Anh Lê Văn A và chị Vi Thị G có 03 con chung là cháu Lê Dung Nh, sinh ngày 18/11/2011, Lê Thị Bảo Y1, sinh ngày 11/8/2014, Lê Bảo M, sinh ngày 11/12/2015. Chị G đề nghị nuôi cả ba con, anh A không muốn ly hôn nhưng nếu chị G cương quyết ly hôn anh đồng ý để chị nuôi cả ba con. Hơn nữa cả ba cháu còn quá nhỏ, nên HĐXX công nhận sự thỏa thuận về nuôi con của anh chị, giao cả ba cháu Dung Nh, Bảo Y1 và Bảo M cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị G đề nghị anh A cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, mỗi tháng là 1.000.000 đồng/cháu. Nhận thấy mình chị G trực tiếp nuôi cả ba cháu sẽ rất khó khăn, vì vậy buộc anh Lê Văn A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 3 con cùng chị G, mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng; thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4 năm 2021 cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên.

[3] Về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tố tụng:

Về án phí: Nguyên đơn chị Vi Thị G phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Lê Văn A chịu án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban tG vụ Quốc hội.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Vi Thị G được ly hôn với anh Lê Văn A.

Về con: Công nhận cháu Lê Dung Nh, sinh ngày 18/11/2011, Lê Thị Bảo Y1, sinh ngày 11/8/2014, Lê Bảo M, sinh ngày 11/12/2015 là con chung của anh Lê Văn A và chị Vi Thị G.

Công nhận sự thỏa thuận về nuôi con của anh Lê Văn A và chị Vi Thị G:

Giao cháu Lê Dung Nh, Lê Thị Bảo Y1, Lê Bảo M, cho chị Vi Thị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Buộc anh Lê Văn A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị G mỗi tháng là 1.000.000 đồng/cháu, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4/2021 cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên. Anh A có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Vi Thị G phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0010277 ngày 23 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Chị G đã nộp đủ án phí. Anh Lê Văn A phải chịu 300.000 đồng án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án mà người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Chị Vi Thị G và anh Lê Văn A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày xét xử sơ thẩm.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã Ng;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Tú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Bình Quyền

Trịnh Thị Loan

Lê Thị Ngọc Tú

